

Bản án số: **09/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-3-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Yến;
- Ông Đặng Trường Bảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị C, sinh năm 1997; nơi cư trú: khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Man C1, sinh năm: 1993; nơi cư trú: số E đường Đ, khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – bà Bùi Thị C trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị C và anh Man C1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào năm 2018. Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C1 thường xuyên uống rượu say, đánh đập chị C, có khi còn cầm dao đe dọa đánh vợ con. Anh C1 không có công việc ổn định, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, kinh tế gia đình gặp nhiều khó

khăn. Chị C nhiều lần khuyên nhủ anh C1 thay đổi, lo làm ăn để cuộc sống gia đình tốt hơn nhưng anh C1 không thay đổi. Thời gian gần đây, anh C1 và chị C bắt đầu sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị C xác định không còn tình cảm với anh C1 nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Man C1.

- Về con chung: Chị C với anh C1 có 01 người con chung tên là Man Quốc T, sinh ngày 18/5/2018. Khi ly hôn, chị C có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T cho đến khi thành niên; yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Theo biên bản lấy lời khai và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, bị đơn – anh Man C1 trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh Man C1 và chị Bùi Thị C tự nguyện tìm hiểu nhau, đến năm 2018 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn, anh C1 và chị C chung sống hạnh phúc, sau đó có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vấn đề kinh tế, anh C1 thừa nhận một phần mâu thuẫn là do anh C1 hay uống rượu say xỉn, về nhà gây gổ nhau, thậm chí còn đánh nhau, chính quyền địa phương có can ngăn hòa giải nhưng tình trạng ngày càng nghiêm trọng. Đến tháng 11/2024 chị C cùng con chuyển về khu phố T ở đến nay, vợ chồng không gặp nhau hay quan tâm gì đến nhau. Chị C yêu cầu ly hôn, anh C1 đồng ý.

- Về con chung: Anh C1 với chị C có 01 người con chung tên là Man Quốc T, sinh ngày 18/05/2018. Hiện nay con đang sống với chị C. Khi ly hôn anh C1 đồng ý giao con cho chị C chăm sóc, tuy nhiên đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng thì anh C1 không đồng ý vì chị C đã tự ý bỏ đi, anh C1 vẫn cho tiền con khi gặp nên anh C1 không đồng ý cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Man C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Chị Bùi Thị C cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 bản sao căn cước công dân mang tên Bùi Thị C; 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao giấy khai sinh con.

- Anh Man C1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai đương sự; xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân của chị C, anh C1 tại địa phương; lập biên bản hòa giải.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa, các đương sự đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 tiến hành xét xử là phù hợp.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 146, 147, 203, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị C được ly hôn với anh Man C1.

Về con chung: Giao cháu Man Quốc T, sinh ngày 18/5/2018 cho chị Bùi Thị C nuôi dưỡng đến khi thành niên; anh Man C1 phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

Về án phí: Chị Bùi Thị C phải nộp 300.000 án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, các đương sự đều đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xem xét xét xử vắng nguyên đơn – Bùi Thị C và bị đơn Man C1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2]. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn chị Bùi Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Bùi Thị C:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị C và anh Man C1 tự nguyện tìm hiểu và đến năm 2018 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L theo giấy chứng nhận kết hôn số 110 ngày 12/9/2018. Do đó quan hệ hôn nhân của chị C và anh C1 là hợp pháp.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị Bùi Thị C nhận thấy cuộc sống hôn nhân với anh C1 không còn hạnh phúc, xác định không còn tình cảm với anh C1 nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Thể hiện trong hồ sơ vụ án, anh Man C1 thừa nhận cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn xuất phát từ việc kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn; anh C1 cũng thường uống rượu nên dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã nhiều nên chị C có yêu cầu ly hôn, anh C1 đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị C.

Tại biên bản xác minh ngày 17/02/2025 thể hiện: Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân chủ yếu do vấn đề kinh tế, anh C1 ít lo làm ăn, thường xuyên tụ tập ăn nhậu cùng bạn bè, khi say xỉn cầm dao hù dọa đánh đập chị C. Không thể tiếp tục chung sống nên khoảng đầu tháng 12/2024 đến nay chị C và người con chung đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại khu phố T, thị trấn L sinh sống; còn anh C1 cũng đi làm ăn xa ít về địa phương.

Xét thấy: Xuất phát từ nguyên nhân kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn trong khi anh C1 ít có trách nhiệm với gia đình, nhiều khi có hành vi bạo lực vợ con dẫn đến giữa chị C và anh C1 xảy ra cãi vã. Hiện nay, chị C đang sinh sống tại khu phố T, thị trấn L, trong khi đó anh C1 đi làm ở Đồng Nai; thời gian vợ chồng sinh sống mỗi nơi không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và thực hiện các nghĩa vụ với nhau. Chị C khẳng định hiện nay không còn tình cảm với anh C1, mong muốn được ly hôn và anh C1 đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị C. Tuy nhiên, do anh C1 không tham gia phiên họp hòa giải tại Tòa án nên không tiến hành hòa giải được. Điều đó chứng tỏ anh C1 không có mong muốn hàn gắn với chị C; mục đích hôn nhân của chị C và anh C1 không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh C1 là phù hợp.

[4] *Về con chung:* Chị Bùi Thị C và anh M C1 có 01 người con chung tên là Man Quốc T, sinh ngày 18/5/2018 theo giấy khai sinh số 981/2018 ngày 11/9/2018. Chị C và anh C1 đều thống nhất giao quyền nuôi dưỡng 01 người con chung cho chị C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng nuôi con của chị C là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Cháu Man Quốc T hiện đang còn nhỏ và đang do chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Anh C1 không có tranh chấp về nuôi con. Do đó, cần giao cho chị C được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung là Man Quốc C1 cho đến khi

thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4.1] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị C yêu cầu anh Man C1 cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2025 (bút lục 19), anh C1 không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị C vì chị C đã tự ý bỏ đi, ngoài ra anh C1 vẫn hay cho tiền con khi gặp nên đối với yêu cầu trên của chị C, anh C1 không đồng ý.

Thể hiện trong biên bản lấy lời khai của anh C1 trong hồ sơ thể hiện anh C1 đang làm hàng lagim tại vườn ở tỉnh Đồng Nai, công việc ổn định với thu nhập 8.500.000 đồng/tháng.

Xét thấy: Việc chị C trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là chính đáng; người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu cấp dưỡng của chị C là có căn cứ được chấp nhận.

Căn cứ vào thu nhập, chi tiêu cá nhân, khả năng thực tế của anh C1 cũng như những nhu cầu thiết yếu của con chung (cháu Man Quốc T) tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ tháng là phù hợp. Do đó cần buộc anh C1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Bùi Thị C mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Man Quốc T thành niên.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bùi Thị C và anh M C1 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Bùi Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị C:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị C được ly hôn với anh Man C1.

- *Về con chung*: Giao cho Chị Bùi Thị C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng người con chung là Man Quốc T, sinh ngày 18/5/2018 đến khi thành niên.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Man C1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Bùi Thị C với số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi người con chung Man Quốc T thành niên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về án phí*:

+ Chị Bùi Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0006381, ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Anh Man C1 phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND thị trấn Lạc Tánh;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dương Thị Mận